

Dàn lạnh tủ đứng

(DÒNG SẢN PHẨM PSY)



PSY-SP30/36/42/48KA



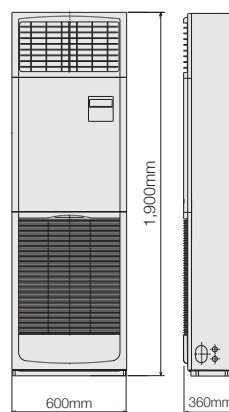
Bộ điều khiển tích hợp

Việc lắp đặt dàn lạnh tủ đứng rất dễ dàng và nhanh chóng. Đây là sự lựa chọn tốt nhất khi khách hàng bất ngờ có nhu cầu sử dụng máy điều hòa không khí.

Lắp đặt dễ dàng và nhanh gọn, tiết kiệm không gian và được ưa chuộng nhất trong bất kỳ thiết kế nội thất nào

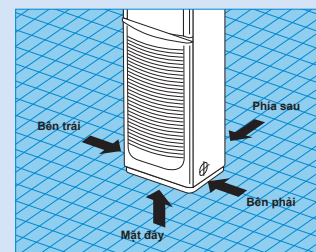
Loại thiết bị tủ đứng này được đặt trên sàn cho phép người sử dụng lắp đặt một cách nhanh chóng. Thân máy nhỏ gọn không chiếm nhiều không gian.

● PSY-SP30/36/42/48KA



Có thể kết nối ống dẫn môi chất lạnh ở 4 hướng tạo sự dễ dàng trong lắp đặt.

Khi lắp đặt cho phép kết nối đường ống môi chất đến dàn lạnh ở bốn vị trí: bên trái, phía sau, từ dưới đáy và bên phải của dàn lạnh. Ngay cả việc lắp đặt dàn lạnh ở góc phòng cũng trở nên dễ dàng khi đi đường ống môi chất.



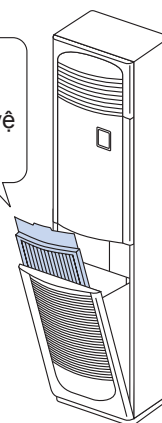
Thiết kế hợp lý, gọn nhẹ

Dòng máy PSY với thiết kế hợp lý giúp tiết kiệm được không gian. Hơn nữa, trọng lượng của máy giảm đáng kể giúp dễ dàng vận chuyển.

Màng lọc có tuổi thọ cao theo tiêu chuẩn

Dàn lạnh được trang bị màng lọc có tuổi thọ cao lên đến 2500 giờ* (trong điều kiện làm việc ở văn phòng). Thời gian vệ sinh màng lọc được giảm thiểu. Hơn nữa, việc sử dụng lưới lọc có thể dễ dàng tháo lắp để làm sạch bụi bẩn.

Lưới lọc có thể dễ dàng tháo lắp để vệ sinh



* Có thể thay đổi tùy theo điều kiện hoạt động.

Dễ dàng vệ sinh các cánh gió

Việc ứng dụng cánh gió thể hệ mới, giúp dễ dàng loại bỏ bụi và các chất bám bẩn một cách dễ dàng bằng các chất tẩy rửa thông thường.

Tính năng cơ bản

Lắp đặt và bảo trì	Tiện nghi	Tính năng khác
- Không nạp gas hệ thống - Thiết kế gọn nhẹ 4 hướng kết nối đường ống môi chất - Dễ tháo lắp tấm lưới lọc - Màng lọc có tuổi thọ cao (2500 giờ)* - Chức năng tự chuẩn đoán - Cánh gió dễ dàng tháo rời để vệ sinh	- Tự động đảo hướng gió - Duy trì nhiệt độ bay hơi - Vận hành êm ái	- Điều khiển hệ thống - Tự động khởi động lại - Nhiệt độ vận hành tối đa ở dàn nóng lên đến 52°C

* Có thể thay đổi tùy theo điều kiện hoạt động.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Dàn lạnh áp trần (50Hz/60Hz)

DÒNG SẢN PHẨM PCY

Models			PCY-SP18KA2	PCY-SP24KA2	PCY-SP30KA2	PCY-SP36KA2	PCY-SP36KA2	PCY-SP42KA2	PCY-SP42KA2	PCY-SP48KA2	PCY-SP48KA2	
Công suất làm lạnh (Nhỏ nhất-Lớn nhất)		kW	5.3 (2.8-5.3)	7.1 (2.9-7.1)	8.8 (3.8-8.8)	10.6 (4.0-10.6)			12.3 (6.1-12.3)		14.1 (7.0-14.1)	
Công suất làm lạnh		BTU/h	18,000	24,000	30,000	36,000			42,000		48,000	
Công suất điện		kW	1.58	2.19	2.95	3.59			4.58		5.75	
EER		W/W	3.35	3.24	2.98	2.95			2.68		2.45	
Dàn lạnh	Model		PCY-SP18KAL2	PCY-SP24KAL2	PCY-SP30KAL2	PCY-SP36KAL2	PCY-SP36KAL2	PCY-SP42KAL2	PCY-SP42KAL2	PCY-SP48KAL2	PCY-SP48KAL2	
	Nguồn cấp		1 pha 220-240V 50Hz 1 pha 220-230V 60Hz									
	Vỏ máy		Munsell 6.4Y 8.9/0.4									
	Lưu lượng gió (thấp-trung 2-trung 1-cao)		CMM	16-17-18-20	16-18-20-22	24-26-28-30	27-29-32-34	27-29-32-34	27-29-32-34	27-29-32-34	27-29-32-34	
			CFM	565-600-635-705	565-635-705-775	850-920-990-1,060	955-1,025-1,130-1,200	955-1,025-1,130-1,200	955-1,025-1,130-1,200	955-1,025-1,130-1,200	955-1,025-1,130-1,200	
	Áp suất tĩnh		Pa	0 (thời trực tiếp)								
	Điều khiển vận hành và cảm biến nhiệt độ		Điều khiển từ xa và tích hợp									
	Độ ồn (thấp-trung 2-trung 1-cao)		dB (A)	34-36-38-40	34-36-40-42	39-41-43-45	42-44-46-48	42-44-46-48	42-44-46-48	42-44-46-48	42-44-46-48	
	Ống nước ngưng (đường kính ngoài)		mm	26								
	Kích thước		W mm	1,280			1,600					
D mm			680			680						
H mm			230			230						
Trọng lượng			kg	32		37		40				
Dàn nóng	Model		SUY-SA18VA2	SUY-SA24VA2	SUY-SA30VA2	PUY-SP36VKA2	PUY-SP36VKA2	PUY-SP42VKA2	PUY-SP42VKA2	PUY-SP48VKA2	PUY-SP48VKA2	
	Nguồn cấp		1 pha 220-240V 50Hz 1 pha 220-230V 60Hz									
	Vỏ máy		Munsell 3.0Y 7.8/1.1									
	Điều khiển môi chất lạnh (R410A)		Van tiết lưu điện tử									
	Lưu lượng gió		CMM	27	46	46	75	75	75	87	87	
			CFM	953	1,625	1,625	2,648	2,648	2,648	3,071	3,071	
	Độ ồn		dB (A)	47	52	54	52	52	53	53	56	56
	Kích thước		W mm	800		840		1,050				
			D mm	285		330		330				
			H mm	550		880		981				
Trọng lượng		kg	32	49	47	64	65	72	73	72	73	
Chênh lệch chiều cao tối đa		m	12	15	15	30	30	30	30	30	30	
Độ dài ống tối đa		m	20	30	30	50	50	50	50	50	50	
Kích thước ống (đường kính ngoài)		mm	Lồng: 6.35 Hơi: 12.7		Lồng: 9.52 Hơi: 15.88							
Chiều dài ống không nạp môi chất		m	7		7	10	10	10	10	10	10	
Phạm vi hoạt động được đảm bảo		Giới hạn trên (DB)						52				
		Giới hạn dưới (DB)						18				